

Số: 26.263 /CV-VA

Hải Phòng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: - Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát,
nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Kiểm định Khảo sát xây dựng Việt Á.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0200687044, Đăng ký lần đầu ngày 28/08/2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 02/04/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 27/49 Trần Phú, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0904248370; 0912412870; 0904181436;

Email: kdksxdva@gmail.com; lasxd495.va@gmail.com

Website: kiemdinhkhaosatvieta.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm công trình 495 (Mã LAS-XD 27.005)

Địa chỉ: Số 373 đường Trường Chinh, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	Xi măng			
1	Xác định độ mịn và khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; BS 1881; ASTM C184, 188, 115, 430; AASHTO T181, 128	Tủ sấy; Sàng 0,09; sàng 0,045; Cân kỹ thuật độ chính xác 10mg; Bình xác định KLR; Bể ổn nhiệt	Vũ Thị My Vũ Văn Hải Phạm Văn Hoàng Đặng Đình Bình Đương Thị Yên
2	Xác định độ bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; BS 1881; ASTM C109, 348, D1635; AASHTO T106	Cân; Tủ dưỡng hộ; Bể ngâm mẫu; Máy trộn mẫu; Khuôn mẫu; Thiết bị dẫn; Máy thử cường độ nén	Nguyễn Thị Vân Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoa
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, Độ ổn định thể tích; Hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012; BS1881; ASTM C191, 187, 266, 451,	Cân; Tủ dưỡng hộ; Máy trộn mẫu; Đồng hồ bấm giây; Khuôn Vicat; Dụng cụ Le Chatelier; Thùng luộc	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		359; AASHTO T129, 131	mẫu	
4	Xác định độ nở sunphat	TCVN 6068:2020	Cân; Máy trộn mẫu; Khuôn mẫu; Chày đầm mẫu; Thanh mẫu chuẩn; Khay ngâm mẫu	
5	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005	Nhiệt lượng kế; thùng cách âm; thùng đồng mẫu; Tủ sấy; Lò nung; Cân kỹ thuật; Sàng; bình hút ẩm;	
6	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunphat; trong môi trường nước	TCVN 7713:2007; TCVN 12003:2018	Cân; Khuôn mẫu lăng trụ; Khuôn mẫu lập phương; Máy trộn; Chày đầm mẫu; Dụng cụ đo chiều dài; Thanh chuẩn; Máy thử độ bền nén; Thùng dưỡng hộ; Thùng ngâm mẫu	
7	Xác định giới hạn bền nén bằng PP nhanh	TCVN 3736:1982	Khuôn mẫu, thùng chung mẫu, máy nén	
8	Xác định độ ẩm; Lượng mất khi nung; cặn không tan	TCVN 141: 2023	Lò nung, tủ sấy, cân phân tích, ống đong... máy phân tích hóa học, hóa chất.	
	Cốt liệu cho bê tông và vữa			
9	Xác định thành phần hạt cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO-T27, T37; ASTM C136; BS 1881	Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy lắc sàng; Tủ sấy	Dương Thị Yến Vũ Văn Hải Phạm Văn Hoàng Đặng Đình Bình
10	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; TCVN 10322:2014; AASHTO-T19, T191, T84, T205, T233, T238; ASTM C127, C128, C29	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bình dung tích	Nguyễn Thị Vân Vũ Thị Mỹ Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85	Cân kỹ thuật; Cân thủy tĩnh; Thùng ngâm mẫu; Khăn thấm nước; Thước kẹp; Bàn chải sắt; Tủ sấy	
12	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322:2014; AASHTO-T19;	Thùng đong; Cân kỹ thuật; Phễu chứa vật liệu; Tủ sấy; Thước lá	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASTM C29	kim loại;	
13	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; AASHTO-T142, T255; ASTM C70, C566	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).	
14	Xác định hàm lượng chung bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; TCVN 9205:2012; AASHTO-T112, T11, T176; ASTM C142, C117	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Thùng rửa cốt liệu; Đồng hồ bấm giây; Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; Que hoặc kim sắt nhỏ.	
15	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO-T21; ASTM C40, D2974	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; Cân kỹ thuật; Bếp cách thủy; Sàng có kích thước lỗ 20 mm; Thang màu để so sánh.	
16	Xác định độ bền của cốt liệu trong dung dịch muối Na ₂ SO ₄ hoặc MgSO ₄	ASTM C88:2005; AASHTO T104:1990	Khuôn mẫu; Dung dịch muối; Thước kẹp	
17	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938	Máy nén thủy lực; Máy khoan và máy cưa đá; Thước kẹp; Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.	
18	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C170, D2938	Máy nén; Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu.	
19	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T98, T327	Máy mài mòn Los Angeles; Cân kỹ thuật; Sàng; Tủ sấy.	
20	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM C88, D4791; AASHTO T335	Cân kỹ thuật; Thước kẹp; Sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy;	
21	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân phân tích, sàng 5mm, bình hút ẩm, cốc nung, máy khuấy, bếp điện, máy lắc	
22	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006	Máy khoan, máy cắt, thìa, búa, cối, cỡ sàng 140mm, cân kỹ thuật; Tủ sấy, tủ hút, bếp điện, giấy lọc, túi đựng polyetelen.	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
23	Xác định hàm lượng Sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân kỹ thuật; Sàng; Bình hút âm; Tủ sấy; Cốc nung; Bếp điện; Lò nung; Máy lắc; Bình định mức; Thuốc thử; Metyl đỏ.	
24	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006; AASHTO-T112; ASTM C142;	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bộ sàng tiêu chuẩn; Kim sắt, kim nhôm; Búa con	
25	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật 0.1%, kính lúp	
26	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Tủ sấy; Lò nung; Cân kỹ thuật; Phễu; Giấy lọc; Thuốc thử	
27	Xác định hàm lượng mica trong cát	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích; Tủ sấy; Bộ sàng tiêu chuẩn; Giấy nhám; Đũa thủy tinh	
28	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419:1991; AASHTO-T176	Bộ xác định đương lượng cát	
29	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn; Máy lắc sàng; Tủ sấy	
30	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012; ASTM 1883:99	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của cát; Thùng chứa nước; sàng; khay đựng đất, chày gỗ, cối và chày sứ đầu bọc cao su	
	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng			
31	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022; ASTM C143-90A; BS 1881; AASHTO T119; EN 12350-2:2009;	Côn thử độ sụt; Que chọc; Phễu đổ hỗn hợp, Thước lá kim loại	Dương Thị Yến Vũ Văn Hải Phạm Văn Hoàng Đặng Đình Bình Nguyễn Thị Vân Vũ Thị My
32	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3107:2022; ASTM C1170	Nhót kế Vebe; Bàn rung; Thanh thép tròn; Đồng hồ bấm giây;	Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà
33	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993: AASHTO-T121; ASTM C138; BS EN 12350-6;	Cân kỹ thuật; Thước lá kim loại; Cân thủy tĩnh; Bếp điện; Thùng nấu paraffin; Tủ sấy	
34	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:2022; ASTM C940, C232; EN 480-4; AASHTO T158; BS EN 12350-4	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung; Thanh thép tròn; Cân kỹ thuật; Sàng kích thước;	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			Thước lá kim loại; Tủ sấy; Khay sắt.	
35	Xác định thành phần hỗn hợp của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993; ASTM D2850, D4767a; BS 1377; AASHTO T234	Cân kỹ thuật; Bộ sàng cát; Tủ sấy; Khay sấy; Bay, xèng để xúc hỗn hợp bê tông	
36	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C185, C231; BS 1881; AASHTO T121	Bình thử bọt khí; Bàn rung	
37	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:2022; ASTM C57, C127, C128, C642	Bình khối lượng riêng; Cân phân tích; Búa con, cối chày đồng; Bình hút âm; Tủ sấy; Sàng; Nước lọc, dầu hoả, cồn 90°.	
38	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113: 2022; ASTM C57, C127, C128, C642, C1585	Cân kỹ thuật; Thùng ngâm mẫu; Tủ sấy; Khăn lau mẫu	
39	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; AASHTO-T121; ASTM C29, C138, C642	Cân kỹ thuật; Thước lá kim loại; Cân thủy tĩnh; Bếp điện; Thùng nấu paraffin, Tủ sấy	
40	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; ASTM C403-1990	Máy thử độ chống thấm; Bàn chải sắt; Paraffin; Tủ sấy; Giá ép mẫu	
41	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; AASHTO-T22, T140, T142; ASTM C39, C42; BS 1881	Máy nén; Thước lá kim loại; Đệm truyền tải	
42	Xác định giới hạn bền khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T97, T126, T177; ASTM C78, C293; BS 1881	Máy thử uốn; Bộ gá uốn mẫu; Thước lá kim loại	
43	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496	Máy nén; Thước lá kim loại; Gói truyền tải; Đệm gỗ	
44	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020; ASTM C42:1990	Máy nén bê tông; Máy khoan rút lõi	
45	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469	Khung đo biến dạng; Biến dạng kế; Máy nén; Thước đo;	
46	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006	Tính toán xử lý số liệu	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
47	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403-99	Dụng cụ thử xuyên; Khuôn chứa mẫu thử; Sàng tiêu chuẩn; Que chọc; Nhiệt kế; Pipet	
48	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012	Nhiệt kế	
	Vữa xây dựng			
49	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật; Tủ sấy	Trần Quốc Hoà Dương Thị Yên Vũ Văn Hải Phạm Văn Hoàng Đặng Đình Bình Nguyễn Thị Vân Vũ Thị My Trần Trung Đạt
50	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011	Bàn dẫn vữa; thước kẹp; Bay, chảo trộn mẫu; Khâu hình côn; Chày đầm	
51	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật; Bình đong bằng kim loại không gỉ	
52	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; TCVN 9028:2011	Máy hút chân không; Phễu; Đồng hồ bấm giây; Giấy lọc; Bàn dẫn vữa; thước kẹp; Bay, chảo trộn mẫu; Khâu hình côn; Chày đầm	
53	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:2011	Khâu đục vữa; Kim đâm xuyên; Vòng đệm; Cơ cấu đôn bẫy; Cân kỹ thuật; Đồng hồ bấm giây; Tủ dưỡng hộ mẫu	
54	Xác định khối lượng thể tích của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Thước kẹp; Cân thủy tĩnh; Parafin.	
55	Xác định giới hạn bền khi uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9028:2011	Khuôn bằng kim loại; Chày đầm mẫu; Thùng bảo dưỡng mẫu; Máy thử uốn, nén;	
56	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022; TCVN 9028:2011	Vòng hình nón cụt; Tấm đầu kéo bám dính; Keo gắn; Máy thử cường độ bám dính; Tủ dưỡng hộ mẫu	
57	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022	Cân phân tích; Tủ sấy; Giấy lọc; Bình tam giác; Bình hút ẩm; Sàng; Cốc thủy tinh; Máy lắc; hóa chất	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
58	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật; Thùng ngâm mẫu; Tủ sấy; Khăn lau mẫu, Thước lá	
59	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định thời gian điều chỉnh; Xác định hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bay thép; Dao xây; Thùng lưu mẫu; Đồng hồ bấm giây; Khuôn kim loại và các dụng cụ phụ trợ khác	
60	Xác định bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012	Bình đo hàm lượng khí, Máy trộn; Thước thép; ống thủy tinh; Chày đầm; bay trộn mẫu	
61	Gạch ốp lát - Vữa, keo chít mạch và dán gạch	TCVN 7899:2008	Vật nặng; Tấm đầu kéo bằng kim loại; Máy thử kéo; Thước thẳng; Kẹp giữ; Hai tấm ngăn; Quả cân; Calip Vernier	
62	Vữa dán gạch ốp lát - Xác định độ mịn, thời gian công tác, độ trượt, độ bám dính	TCXDVN 336:2005	Cân kỹ thuật; Vật nén; Chảo, bay phẳng và bàn xoa; ống đong; Đồng hồ bấm giây; Tủ sấy; Thùng chứa nước; Vật nén;	
	Phân tích hóa nước cho xây dựng			
63	Xác định hàm lượng cặn không tan; hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Bát sứ, chén sứ, chén bạch kim; Phễu lọc; Giấy lọc không tro.	Phạm Thị Dần Nguyễn Thị Vân
64	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011 ISO 10523:2008	Bình mẫu; Nhiệt kế; Bộ cảm biến nhiệt độ; pH-mét; Điện cực thủy tinh và điện cực so sánh;	
65	Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996 ISO 9297:1989	Thuốc thử: Bạc nitrat, Chất chỉ thị kali cromat; Natri clorua, Axit nitric; Natri hidroxit	
66	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996 ISO 9280:1990	Phễu lọc thủy tinh xốp; Bình thủy tinh có vòi; Cân phân tích; Bát cô bằng bạch kim	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
67	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Cân kỹ thuật, nôi cách thủy, ống nghiệm, ống đong, buret, pipet, hóa chất	
68	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:2000	Cân kỹ thuật, nôi cách thủy, ống nghiệm, ống đong, buret, pipet, hóa chất	
69	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:1988	Buret, pipét, Bình nón, bình cầu, ống sinh hàn hồi lưu	
	Cơ lý gạch			
70	Gạch xây xác định: Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; độ bền nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích, khối lượng riêng; độ rỗng; độ tróc do vôi, sự thoát muối	TCVN 6355:2009	Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu; Bay chảo để hồ trộn xi măng; Máy nén; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Thùng để ngâm mẫu	Vũ Thị My Đương Thị Yến Vũ Văn Hải Phạm Văn Hoàng Đặng Đình Bình Nguyễn Thị Vân Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà
71	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan. Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476: 1999	Thước lá; Các miếng kính; Bay chảo để hồ trộn xi măng; Máy nén;	
72	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ rỗng; độ hút nước; độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Thước kẹp; Thước lá; Các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu, bay, chảo trộn mẫu; máy nén; Cân kỹ thuật; Thiết bị thử thấm	
73	Gạch lát Granito: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; xác định độ mài mòn; xác định độ chịu va đập xung kích; xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995	Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc; Thước lá chia vạch 1mm; Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu; Vật liệu mài mòn, máy mài mòn; Chia vạch bằng đồng	
74	Gạch terrazzo: Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn sâu	TCVN 7744:2013	Thước lá; Các miếng kính; Bay chảo để hồ trộn xi măng; Máy nén;	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
75	Gạch ốp lát: Xác định kích thước và hình học. Xác định độ hút nước; độ bền uốn và lực uốn gãy; độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men; độ mài mòn sâu đối với gạch phủ men; hệ số giãn nở nhiệt dài; độ bền sốc nhiệt; hệ số giãn nở ẩm; độ bền rạn men; độ bền băng giá; độ bền hóa học; độ bền chống bám bẩn; độ cứng theo thang Morh	TCVN 6415:2016	Thước kim loại; Thước kẹp; Thước nivô; Thước lá; Thước calip; Đèn huỳnh quang; Thước 1 m; Đồng hồ đo cường độ ánh sáng	
76	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra ngoại quan. Xác định độ hút nước; độ chịu lực xung kích; độ mài mòn; lực uốn gãy; độ cứng lớp mặt. Thử lát gạch Granito	TCVN 6065:1995	Thước cặp kim loại; Cân kỹ thuật, Tủ sấy; Máy mài; Tủ sấy; Thước ống; Bì sắt; Máy uốn	
77	Đá ốp lát nhân tạo: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan. Xác định: Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ mài mòn sâu; Độ cứng bề mặt	TCVN 8057:2009	Thước lá kim loại; Thước calip; Đèn huỳnh quang; Thước 1 m; Đồng hồ đo cường độ ánh sáng	
78	Đá ốp lát tự nhiên: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan. Xác định: Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ mài mòn sâu; Độ cứng bề mặt	TCVN 4732:2016	Thước kim loại; Thước kẹp; Thước nivô; Thước lá; Thiết bị mài mòn; Tủ sấy; Cân điện tử; Chất mài mòn	
79	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chung áp: Kiểm tra kích thước. Xác định: độ vuông góc; độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt; khối lượng thể tích khô; cường độ nén; cường độ hút nước; hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017	Thước thẳng, Thước ke vuông, Thước nivô, Thước lá, Thước cặp; Bộ căn lá thép; Máy nén, Cân kỹ thuật, Tủ sấy; Bay chảo tộn; Bình hút ẩm; Thiết bị xác định hệ số dẫn nhiệt	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
80	Vôi can xi cho xây dựng: Xác định hàm lượng MgO; lượng mất khi nung; hàm lượng (CaO + MgO) hoạt tính khi hàm lượng MgO trong vôi không lớn hơn 5%; hàm lượng nước thủy hóa và hàm lượng CO ₂ ; hàm lượng hạt không trôi; độ mịn của vôi bột; độ ẩm của vôi hydrat	TCVN 2231:2016	Cân phân tích; Tủ sấy; Bình tam giác; Hạt cườm thủy tinh; Phễu thủy tinh; Chén sứ chịu nhiệt; Cối chày, bảng sứ hoặc bảng mã nã; Bếp điện; Bình hút ẩm; Nhiệt kế; Bình bảo ôn; Ống đong; Bình hút ẩm; Đồng hồ bấm giây; Kính lúp phóng đại;	
	Thử nghiệm vật liệu kim loại, liên kết hàn và kết cấu thép			
81	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009); ASTM A370, A615; JIS Z2241, Z2201; ISO 15630-1	Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp; Dụng cụ Palme; Cân kỹ thuật; Thước lá kim loại.	Nguyễn Thế Thực Nguyễn Thị Vân Đương Thị Yên
82	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005); TCVN 6287:1997; ASTM A370, A615; JIS Z2248; ISO 15630-1	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
83	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử va đập	TCVN 5401:2010	Máy uốn, dưỡng uốn	
84	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000; TCVN 1548:1987; TCVN 7507:2012 AWS D1.1:2008; ASTM D11	Máy đo khuyết tật mối hàn	
85	Kiểm tra không phá hủy - phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617: 1996 AWS D1.1:2008	Chất thẩm thấu; Máy vạn năng	
86	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp bột từ	TCVN 4396:1986	Máy dò khuyết tật vạn năng; Bột từ	
87	Kiểm tra lớp phủ mạ kẽm vật liệu kim loại	TCVN 5026:2010	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ	
88	Kéo nhỏ thép tại hiện trường + bu lông	ASTM B1512	Kích nhỏ bu lông và các phụ kiện	
89	Tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:1995 ASTM A370:02, F606	Máy kéo vạn năng, thước kẹp, Thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp; Dụng cụ palme, thước lá, bộ gá bulong	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
90	Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...	
	Thử nghiệm bê tông nhựa			
91	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011; 858/QĐ-BGTVT	Phương pháp tính toán	Trần Quốc Hoà Nguyễn Thị Vân Phạm Văn Hoàng
92	Xác định độ ổn định và độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO-T245, T230	Máy nén Marshall; bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn; Tủ sấy; Nhiệt kế; cân; Thước kẹp	
93	Xác định hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D1664	Máy li tâm tách nhựa, Tủ sấy, giấy lọc, cân	
94	Xác định thành phần hạt của hỗn hợp bê tông nhựa sau khi chiết	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng; Cân chính; Tủ sấy.	
95	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209:1990	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân; nhiệt kế; Tủ sấy; khay đựng mẫu	
96	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân thủy tĩnh; Tủ sấy; Nhiệt kế	
97	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy; Rọ đựng mẫu; đĩa kim loại; cân	
98	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO-T304:1996	Ống đồng; phễu kim loại; giá đỡ, tấm kính; khay; dao gạt; cân	
99	Xác định khối lượng thể tích và khối lượng riêng của các cốt liệu trong hỗn hợp bê tông nhựa	22 TCN 62:1984	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, bình tỷ trọng	
100	Xác định hệ số lu lèn; độ rỗng dư; độ rỗng cốt liệu; độ rỗng lấp đầy nhựa; độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-8, 9,10,11,12:2011; AASHTO T245:97	Phương pháp tính toán	
	Nhựa bitum			

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
101	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5:1997; AASHTO-T49	Máy đo độ kim lún; Đồng hồ bấm giây; nhiệt kế; Chậu nhôm đáy phẳng; Bình chứa cốc mẫu; Bếp gia nhiệt;	Trần Quốc Hoà Nguyễn Thị Vân Phạm Văn Hoàng
102	Chỉ số kim lún PI	27/2014/TT-BGTVT	Máy đo độ kim lún; Đồng hồ bấm giây; nhiệt kế; Chậu nhôm đáy phẳng; Bình chứa cốc mẫu; Bếp gia nhiệt;	
103	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113:1999; AASHTO-T51	Máy kéo dài; Khuôn mẫu; Nhiệt kế; Chậu đựng nước; Bếp gia nhiệt; Dao cắt, gọt nhựa	
104	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36:2000; AASHTO-T53	Khuôn tròn; Bi thép; Khuôn treo; Vòng dẫn hướng của bi thép; Bình thủy tinh; Dao cắt nhựa; Nhiệt kế; Bếp gia nhiệt; Dụng cụ và hóa chất cần dùng; Nước đá.	
105	Xác định điểm chớp cháy và điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland Bitumen	TCVN 7498:2005; ASTM D92-02b; AASHTO-T48	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường; Nhiệt kế; Đồng hồ bấm giây; Bình ga gia nhiệt	
106	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6:2000; AASHTO-T47	Giá quay tổn thất; Tủ sấy; hộp nhôm; Tủ sấy	
107	Xác định tỷ lệ kim lún sau khi nung ở 163oC trong 5h so với kim lún ở 25oC	TCVN 7495:2005; ASTM D5:1997; AASHTO-T49; 22 TCN 279:2001	Phương pháp tính toán	
108	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:2023; ASTM D2042:2001	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút âm, cốc phân tách	
109	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:2005; ASTM D70:2003	Bình tỷ trọng, chậu ôn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.	
110	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170-01a;	Nhớt kế; Nhiệt kế; Bể mẫu; Đồng hồ bấm	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			giây	
111	Xác định hàm lượng paraphin	TCVN 7503:2005	Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình chưng cất; Ống nghiệm; Bình lọc; Bình hút âm; Cân kỹ thuật; Giấy lọc; Đồng hồ bấm giây	
112	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mò 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	
	Thử nghiệm nhựa đường lỏng			
113	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Cốc hồ; Vỏ chắn; Nhiệt kế; Chất gia nhiệt	Trần Quốc Hoà Nguyễn Thị Vân Phạm Văn Hoàng
114	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình chưng cất; Thiết bị gia nhiệt; Ống ngưng; Ống hứng; Dung môi	
115	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng; Ống ngưng; Ống dẫn hơi; Vỏ chắn; Giá đỡ; Nguồn nhiệt; Ống thu; hộp kim loại; Nhiệt kế	
116	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011	Nhớt kế; Nhiệt kế; Bể ổn nhiệt; Đồng hồ bấm giây; Bình hút chân không; Hóa chất	
	Thử nghiệm vật liệu bột khoáng trong Bê tông nhựa			
117	Kiểm tra hình dáng bên ngoài, thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng, hệ số háo nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước; độ rỗng dư; độ trương nở; chỉ số về hàm lượng nhựa; độ ổn định của bột khoáng và nhựa sau khi ngâm nước của hỗn hợp bột khoáng và nhựa	22TCN 58:1984	Kính lúp; Sàng; Cân kỹ thuật; Bát sứ, chày giã; Bình hút âm; Tủ sấy; Lò nung; Máy hút chân không; Nhiệt kế; Cân thủy tĩnh; Thùng ổn nhiệt; Dụng cụ vica; Bát sắt, Bát sứ	Trần Quốc Hoà Phạm Văn Hoàng Vũ Thị Mỹ

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
118	Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng; Cân kỹ thuật; Bình hút ẩm; Tủ sấy; Lò nung; Bình tỷ trọng;	
	Nhũ tương nhựa đường a xít			
119	Xác định độ nhớt độ Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011	Nhớt kế; Phễu lọc; Nhiệt kế; Bể ôn nhiệt; Pipet; Bình đong; Bình thủy tinh; Đồng hồ bấm giây	Trần Quốc Hoà Nguyễn Thị Vân Phạm Văn Hoàng
120	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Bình lưu mẫu; Pipet; Cân kỹ thuật; Cốc; Đũa khuấy; Tủ sấy	
121	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	Khay kim loại; Sàng; Nhiệt kế; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bình hút ẩm; Cốc thủy tinh; Nước cất	
122	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011	Nguồn điện 12v; Cốc thủy tinh; Bể ôn nhiệt; Nhiệt kế; Đồng hồ bấm giây; Nước cất	
123	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Lưới sàng; Cốc đũa kim loại; Buret; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Hóa chất;	
124	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Sàng; khay kim loại, chảo trộn; đũa trộn, Ống đong; Cân kỹ thuật; Tủ sấy	
125	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Sàng, chảo trộn, dao trộn, phun nước; Cân kỹ thuật; Nhiệt kế; Pipet;	
126	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011	Nồi chung cát; Nguồn nhiệt; Ống đong; Nhiệt kế; Cân kỹ thuật; Ống cao su; Sàng	
127	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc đũa thủy tinh; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Sàng	
128	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011	Cốc trộn; cốc rửa; dao trộn; Tủ sấy; Cân; khay kim loại; ống đong; nhiệt kế; găng tay	
129	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011	Đèn; sàng. Cốc thủy tinh; cân kỹ thuật; dao trộn; găng tay, cát	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
			chuẩn	
130	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh; ống đong; nhiệt kế; đĩa thủy tinh, nước cất	
131	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đong; Cân kỹ thuật; Bình ôn nhiệt	
132	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại; chảo; ống đong; dao trộn; sàng tiêu chuẩn	
	Cơ lý đất trong phòng			
133	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO-T176, T100; ASTM D854; BS 1377	Dầu hỏa; Bơm chân không; Cân kỹ thuật; Bình tỷ trọng; Cối chà sứ; Rây 2mm; Bếp cách cát; Tủ sấy; Tỷ trọng kế; Thiết bị ôn nhiệt; Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp	Trần Trung Đạt Đặng Đình Bình Nguyễn Thị Phương Trần Quốc Hoà Vũ Thị Mỹ Vũ Văn Hải
134	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO-T265; ASTM-2216; BS 1377	Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp); Bình hút ẩm; Rây 1mm, 0,5mm; Cối và chà sứ có đầu bọc cao su; Cân kỹ thuật; Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp)	
135	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012; AASHTO-T89; 90; ASTM-D4318, D2216; BS 1377	Các tấm kính nhám; Rây 1mm; Cối và chà sứ có đầu bọc cao su; Bình thủy tinh có nắp; Cân kỹ thuật; Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp); Tủ sấy; Dụng cụ Casagrande	
136	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO-T72; T88; ASTM-C136, D421, D422, D2216; BS 1377	Cân kỹ thuật; Bộ rây; Cối và chà sứ có đầu bọc cao su, Tủ sấy; Bình hút ẩm có clorua canxi; Quả lê bằng cao su; Tỷ trọng kế; Bộ phận đun và làm lạnh; Bình đong; Nhiệt kế; Que khuấy; Đồng hồ bấm giây; Ống hút	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
137	Xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080, 3090; GOST 12248-96; BS1377; AASHTO T236	Máy cắt đất; đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân	
138	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; AASHTO-T216, T297; ASTM D2435; GOST 12248-96; BS 1377	Máy nén; Cân kỹ thuật, các dụng cụ đi kèm	
139	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22 TCN 333:2006; AASHTO-T99, T180; ASTM-D1556, D1557, D698, D558; GOST 22733; AS 1289-5.1.1, 5.2.1; BS 1377	Cối đầm; Cân kỹ thuật; Sàng; Bình phun nước; Tủ sấy; Bình hút ẩm; Hộp nhôm; Dao gạt đất, Vò đập đất; Cối sứ, chày bọc cao su.	
140	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) - Phương pháp dao vòng	TCVN 4202:2012; ASTM D4914:2014	Dao vòng bằng kim loại; Thước cặp; Dao cắt đất; Cân kỹ thuật; Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp; Tủ sấy; Bình hút ẩm	
141	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR - trong Phòng thí nghiệm)	22 TCN 332:2006; TCVN 12792:2020; AASHTO T193-10; ASTM D1883, D4429; BS 1377	Máy nén CBR; Cối chày đầm tiêu chuẩn;	
142	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2001; BS 1377-P7; AASHTO T116; JIS A1216; GOST 12248	Thiết bị tạo mẫu, máy nén 1 trục Control.	
143	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D280:95; D 2580:15 BS 1377-8:1990 AASHTO T296:2010	Máy gạt mẫu; Khuôn với đường kính và chiều dài định sẵn; Máy nén 3 trục	
144	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434:00, D4511; AS 1289.6.7.2; GOST 25584; JIS A1218; AASHTO T49, T215; BS 1377	Bộ thấm đất cột nước không đổi; Bảng cấp nước cho bộ thấm; Bình chứa nước	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
145	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	ASTM D2579:1978	Thiết bị cắt cánh	
146	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006; TCVN 12790:2020	Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Sàng; Khuôn mẫu dầm;	
147	Đặc trưng co ngót của đất sét	TCVN 8720:2020; AASHTO T92:1988	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Dao vòng; Thước kẹp	
148	Xác định tổng hàm lượng, hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan	TCVN 8727:2012	Cối; Chày; Sàng; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bình hút ẩm; Bếp cách cát; Phễu lọc; Giấy lọc; phễu lọc; Bình định mức; Buret; pipet	
149	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T194; BS 1377	Tủ sấy; Bình huta ẩm; Cân kỹ thuật; Cối chày; sàng, hộp chia mẫu, ống đong; pipet, buret; bình tam giác; giấy lọc, bếp đun	
150	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; GOST 24143	Phao nổi rộng ruột, kín nước; Lưới có lỗ ô vuông 1 cm ² để đặt mẫu được gắn ở dưới bầu phao	
151	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4829; ASTM D4546	Thiết bị trương nở Tam Liên, dao vòng, xóp thấm, nước, đồng hồ bấm giây.	
152	Xác định đặc trưng co ngót của đất trong PTN	TCVN 8720:2012; ASTM D427; AASHTO T92	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật; Paraphin; nước cất; Dao cắt đất; đĩa, khay đựng đất;	
153	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cối, búa rung, cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh.	
154	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012	Khuôn mẫu; Máy nén	
155	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Bàn đế; Mâm tròn; Cọc bằng thép; Thùng chứa nước; Sàng, các khay đựng đất, chày gỗ, cối và chày sứ đầu bọc cao su, nước sạch đã khử khoáng, muối xúc đất, êke...	
156	Thí nghiệm nén cố kết CV	ASTM D2435:1996	Cân kỹ thuật; Dao lấy mẫu; Máy nén	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	Cơ lý đá trong phòng			
157	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Búa sắt; Hộp đựng mẫu; Bình hút ẩm có nắp đậy; Bàn chải, khăn sạch	Trần Trung Đạt Đặng Đình Bình Nguyễn Thị Phụng Trần Quốc Hoà Vũ Thị My Vũ Văn Hải
158	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật; Máy khoan cắt; Máy mài; Thước kẹp; Tủ sấy	
159	Xác định độ bền cắt	TCVN 10323:2014	Máy nén thủy lực	
160	Xác định độ bền nén	TCVN 10324:2014; ASTM D2938	Máy thử nén; Máy khoan, máy cưa, máy mài đá; Thước kẹp; Đồng hồ bấm giây; Cân kỹ thuật; Khay mẫu	
161	Xác định mô đun đàn hồi của đá phòng thí nghiệm	ASTM D 3148:2002	Cân kỹ thuật; Máy khoan cắt; Máy nén	
162	Xác định cường độ ép chế của đá phòng thí nghiệm	ASTM D 3967:2016	Cân kỹ thuật; Máy khoan cắt; Máy nén	
163	Xác định cường độ kháng kéo của đá phòng thí nghiệm	ASTM C 3967:2016	Cân kỹ thuật; Máy khoan cắt; Máy nén	
164	Cơ lý bentonite Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; lực cắt tĩnh; hàm lượng cát; hàm lượng tỷ lệ chất keo; độ PH; tính ổn định; hàm lượng nước mất và độ dày áo sét	TCVN 9395:2012; TCVN 11893: 2017	Bộ thí nghiệm Bentonite: Dụng cụ cân tỷ trọng; Ống đong; phễu; Đồng hồ bấm giờ; Nhiệt kế; Thiết bị đo độ pH; Dụng cụ xác định ực cắt tĩnh; Sàng; phễu côn; bình đo; Máy ép lọc áp suất; Giấy lầy; Nước cất;	
	Hiện trường			
165	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012; 22 TCN 02:1971; ASTM D2937	Dao đai tròn; Cân; Dao gạt đất; Chảo sấy hoặc cồn đốt 90° trở lên; Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm	Trần Quốc Hoà Phạm Văn Hoàng Vũ Thị My Vũ Văn Hải Nguyễn Thị Vân Đặng Đình Bình Dương Thị Yên Trần Trung Đạt
166	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 22 TCN 346:2006; AASHTO-T191; ASTM D1556	Phễu rót cát, cân điện tử, cát chuẩn, cọ...	
167	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22 TCN 335:2006; ASTM D2573:1994	Thiết bị cắt cánh hiện trường	Đặng Đình Bình Trần Trung Đạt Vũ Văn Hải

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
168	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:11 ASTM D4429:1992	Thí nghiệm CBR hiện trường	Trần Quốc Hoà Phạm Văn Hoàng Vũ Thị Mỹ Trần Trung Đạt Đặng Đình Bình
169	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D1154	Tấm nén, các thiết bị gia tải, neo giữ, đo biến dạng,...	
170	Xác định mô đun đàn hồi của đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; ASTM D1556, D1195, D1194; AASHTO T221, T222, T235	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực;	
171	Xác định mô đun đàn hồi E chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:11; AASHTO-T256; ASTM D1556	Cần Benkenman;	
172	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao	
173	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; AASHTO-T278	Cát chuẩn, Ống đong cát, Bàn xoa; Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm, Thước dài khác vạch 500mm, Cân; Tấm chắn gió	
174	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	Búa thiết bị thí nghiệm SPT	
175	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; ASTM D5778	Thiết bị đo độ xuyên tĩnh	
176	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:1992, D6951:2003; AS 1289.6.3.2:1997	Thiết bị đo độ xuyên động	
177	Đo mực nước ngầm và áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:2011; AASHTO T252	Ống giếng, ống lọc, máy đo mực nước ngầm; hệ thống đo áp lực nước lỗ rỗng	
178	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	14 TCN 153:2006; TCVN 8731:2012	Vòng chắn, thiết bị cấp nước, thiết bị tự động điều chỉnh mực nước;	
179	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hồ khoan	TCVN 9149:2012	Máy bơm. Dụng cụ đo lưu lượng; dụng cụ đo áp lực, dụng cụ đo mực nước	
180	Thí nghiệm hút nước hồ khoan	ASTM D4105:1999	Máy bơm, Hệ thống ống chống	
181	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy; đá mài	Đỗ Thị Dung Dương Thị Yến Phạm Văn Hoàng Đặng Đình Bình
182	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp không phá hoại sử dụng	TCVN 9335:12; ASTM C805M; JIS A1155:12	Máy siêu âm bê tông, súng bật nảy, đá mài, mỡ bò, thước mét	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	máy đo siêu âm kết hợp với bật nảy			
183	Xác định cường độ chịu nén của bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13536:2022; ASTM C597; EN 12504-4:04	Máy siêu âm bê tông, đá mài, thước mét	
184	Xác định khuyết tật của bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13537:2022	Máy siêu âm bê tông, đá mài, thước mét	
185	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn bằng phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012	Thiết bị đo điện thế cốt thép	
186	Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy siêu âm cốt thép	
187	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012	Thiết bị gia tải; Đồng hồ áp lực; Kính phóng đại; chuyển vị kế	Vũ Văn Hải Nguyễn Thị Vân Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà Đặng Đình Bình
188	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012	Máy toàn đạc; Máy thủy bình; thước mét	Nguyễn Thế Thực Đông Tiến Sơn Bùi Thị Thuý Phạm Văn Hoàng Dương Thị Yến
189	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện trở đất, cọc tiếp địa, dây nối	Trần Quốc Hoà Phạm Văn Hoàng Đỗ Thị Dung
190	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012	Hệ gia tải; Máy toàn đạc điện tử;	Vũ Văn Hải Nguyễn Thị Vân Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà Đặng Đình Bình Dương Thị Yến
191	Cọc - Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ gia tải; kích thủy lực; đồng hồ áp kế	
192	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông – Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012	Máy siêu âm bê tông	
193	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng ngang – Thí nghiệm đẩy ngang	ASTM D3966:190	Kích thủy lực; Bơm thủy lực; Đồng hồ đo chuyển vị; Dàn tải	
194	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng nhỏ – Thí nghiệm nhỏ	ASTM D3686:90	Kích thủy lực; Bơm thủy lực; Đồng hồ đo chuyển vị; Dàn tải	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
195	Trắc địa công trình xây dựng; Đo đạc phục vụ thi công nhà cao tầng	TCVN 9398:2012; TCVN 9364:2012	Mia, máy thủy bình, máy toàn đạc	Nguyễn Thế Thực Đông Tiến Sơn Bùi Thị Thủy Phạm Văn Hoàng Dương Thị Yên
196	Đo độ lún công trình; Quan trắc độ nghiêng; Đo chuyển vị ngang công trình	TCVN 9360:2012; TCVN 9400:2012; TCVN 9399:2012	Mia, máy thủy bình, máy toàn đạc, mốc quan trắc	
197	Thí nghiệm kéo neo hiện trường	ASTM D4435:2008	Kích nhổ neo	Vũ Văn Hải Nguyễn Thị Vân Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà Đặng Đình Bình Dương Thị Yên
198	Xác định độ bám dính của lớp phủ mặt kết cấu	TCVN 9491:2012; ASTM C1583	Máy khoan; Mũi khoan; Đĩa thép; Thiết bị gia tải kéo	Đặng Đình Bình Nguyễn Tuấn Khải Trần Trung Đạt Trần Quốc Hoà Dương Thị Yên Vũ Thị Mỹ
199	Ống cống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:2012	Thước mét; Thước kẹp; Kính lúp; Máy khoan bê tông, búa đục; Máy ép thủy lực; Đồng hồ bấm giờ, Dụng cụ quan sát đo bề rộng vết nứt	
200	Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012	Thước mét; Thước kẹp; Kính lúp; Máy khoan bê tông, búa đục; Máy ép thủy lực; Đồng hồ bấm giờ, Dụng cụ quan sát đo bề rộng vết nứt	
201	Kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012	Thiết bị kéo đứt; Máy khoan: Máy mài, đá mài; Bàn chải nhựa; Dao thép cứng; Cốc nhựa đũa nhựa; Tấm thép; Keo dán	
202	Thí nghiệm nén ngang trong lỗ khoan	EN ISO 22476-4 và ASTM D-4719:2000	Thiết bị nén ngang trong lỗ khoan	Trần Trung Đạt Vũ Văn Hải Đặng Đình Bình
203	Đo chuyển vị ngang của đất nền (Inclinometer)	ASTM D6230; AASHTO T 254	Thiết bị Inclinometer	
	Phụ gia cho bê tông và vữa			
204	Phụ gia hóa học cho bê tông xác định: lượng nước trộn tối đa, thời gian đông	TCVN 8826:2024	Tủ sấy, Cân phân tích, độ chính xác đến $\pm 0,01$ g, pipet, bình hút	Vũ Thị Mỹ Phạm Thị Dần Nguyễn Thị Vân

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
	kết chênh lệch và cường độ kháng nén so với mẫu đối chứng		âm, máy nén bê tông, khuôn, bếp cách thủy, lò nung, tỷ trọng kế, thùng giữ nhiệt, hóa chất	Dương Thị Yên Trần Quốc Hoà
205	Phụ gia khoáng hoạt tính cao (silicafume, tro trấu nghiền mịn, xỉ hạt lò cao, tro bay): hàm lượng mất khi nung; lượng sót trên sàng 45 mm; chỉ số hoạt tính đối với xi măng so với mẫu đối chứng	TCVN 8827:2011 TCVN 10302:2014 TCVN 11586:2016	Sàng 45 mm, Tủ sấy, Cân phân tích, độ chính xác đến $\pm 0,001$ g, pipet, bình hút ẩm, máy nén bê tông, khuôn, bếp cách thủy, lò nung, phễu kế, tỷ trọng kế, thùng giữ nhiệt, hóa chất,	

Công ty Cổ phần Kiểm định Khảo sát Xây dựng Việt Á chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Dương Đình Bình

C.P. S.M.A.